

Số: /QĐ - SCT

Ninh Bình, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán điều chỉnh tăng năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG NINH BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 về việc cấp bổ sung ngân sách tỉnh năm 2024 cho cơ quan, đơn vị để thực hiện một số chế độ, chính sách;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-SCT ngày 19/12/2024 của Sở Công Thương Ninh Bình về việc giao bổ sung ngân sách tỉnh năm 2024 kinh phí hỗ trợ cán bộ nữ được cử đi đào tạo theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho đơn vị để thực hiện hỗ trợ cán bộ, công chức được cử đi đào tạo theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh.

(Có biểu kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng ban, đơn vị liên quan thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Dương Đức Đăng

Đơn vị: Sở Công thương Ninh Bình
Chương: 416

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SCT ngày tháng 12 năm 2024
của Sở Công thương Ninh Bình)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6	6	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	6	6	6
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	6	6	6
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6	6	6
3	Chi sự nghiệp kinh tế			
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-		
4	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ tính giao	-		-
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-		
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-		-
II	Nguồn viện trợ	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-		